

Số: 1116/2024/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 11 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số **1673/2024/TLST-HNGĐ** ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: **Ông Trần Văn T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Thôn P, thị trấn P, huyện C, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: 13B2, tổ 10, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ thường trú: Thôn P, thị trấn P, huyện C, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: 13B2, tổ 10, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/12/2015 và Trần Nguyễn Việt H1, sinh ngày 24/6/2019. Giao cháu Trần

Nguyễn Ngọc H và Trần Nguyễn Việt H1 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho hai cháu, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.

Ông Trần Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ: Ông Trần Văn T tự nguyện chịu số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004390 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- Các đương sự (2)
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

THẨM PHÁN

Trương Thị Diệp